



## BẢN TIN THAN NGÀY

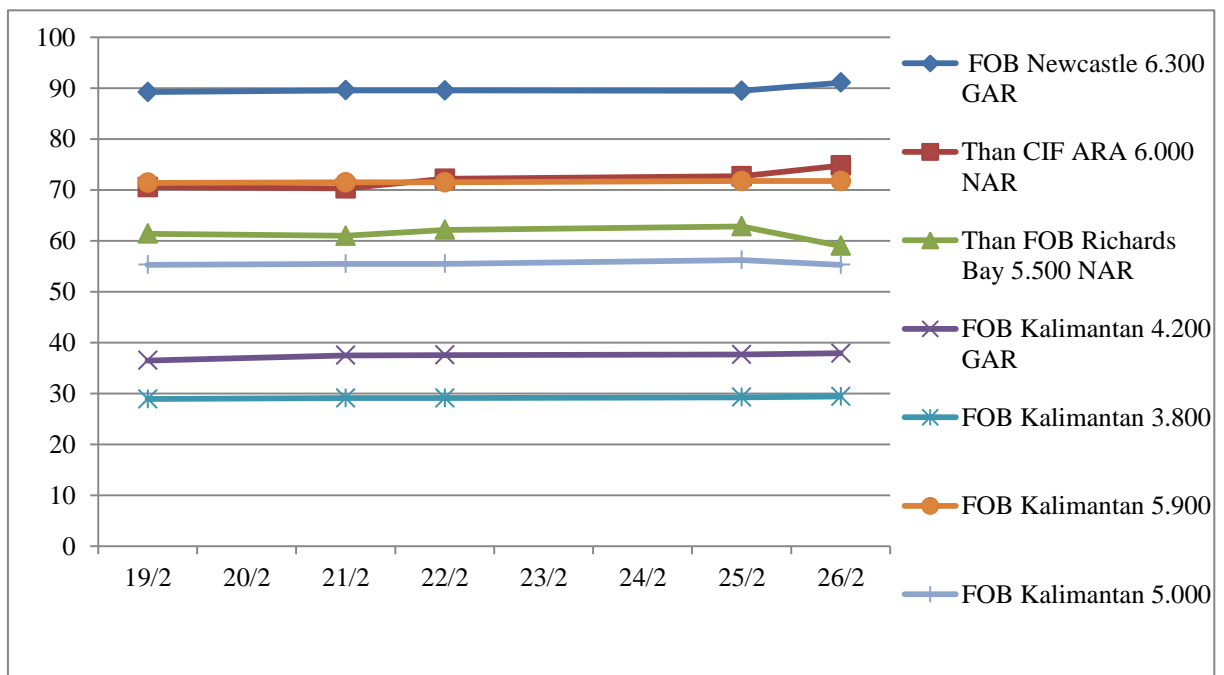
Ngày 27/02/2019

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,10	+1,60	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	74,80	+2,10	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59,00	+1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	56,25	+0,00
FOB Kalimantan 4.200 GAR	37.90	+0.25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 3.800 GAR	29.40	+0.15	N/A	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,40	+0,10	296,14	+0,82
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,85	+0,10	419,20	+0,88
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	67,50	+1,00	450,21	+6,89

### **GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 26/2/2019)

## **ĐIỂM TIN**

### **Các NMNĐ của Eskom liên tục vượt mức giới hạn ô nhiễm**

Hầu như toàn bộ các NMNĐ của Eskom đã liên tục vượt mức giới hạn ô nhiễm được quy định trong giấy phép của các nhà máy này. Đây là thông tin từ báo cáo của tiến sĩ Ranjit Sahu, một chuyên gia chuyên nghiên cứu về NMNĐ, trong vòng 21 tháng kể từ tháng 12 năm 2017, các NMNĐ của Eskom đã vi phạm các điều khoản trong giấy phép gần 3.200 lần. Cụ thể các nhà máy này vi phạm quy định về ba chất gây ô nhiễm là lưu huỳnh, mức oxit trong nitơ và các thành phần hạt, bao gồm cả bồ hóng và tro. Tuy nhiên, Eskom lại cho biết các nhà máy của mình nhìn chung đã tuân thủ các điều kiện trong giấy phép phát thải khí và các giới hạn cụ thể trong giai đoạn mà ông Sahu đã phân tích. Phân tích này dựa theo báo cáo phát thải hàng tháng của Eskom về lượng khí phát thải từ các NMNĐ than, đã được trình cho chính quyền.

Life After Coal, tổ chức thực hiện báo cáo, cho biết phát hiện trên cho thấy Eskom đã liên tục gây nguy hiểm đến sức khỏe và vi phạm đến quyền con người của hàng triệu người dân bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm. Theo báo cáo, các NMNĐ thường xuyên vi phạm nhất là Lethabo, Matla, Matimba, và Kriel. Nhà máy vi phạm mức thải thành phần hạt nghiêm trọng nhất là Grootvlei (một số thời điểm vượt quá 15 lần so với quy định), Kriel (một số thời điểm vượt quá sáu lần so với quy định), và Duvha và Lethabo (một số thời điểm vượt quá năm lần so với quy định). Ông Sahu cho biết, ông đã xem xét dữ liệu của 14 trên 15 nhà máy của Eskom. Tất cả các nhà máy này đều có sáu tổ máy, trừ Camden, với tám tổ máy. Ông Sahu cho biết, nhà máy Kusile không được phân tích do không hoạt động trước thời điểm tháng 8 năm 2017. Ông Sahu cho biết các phân tích của ông bị hạn chế bởi các báo cáo không thống nhất, đầy đủ và rõ ràng.

Trong một phản hồi với Sahu ngày 22/2, Eskom đã phủ nhận việc các nhà máy vi phạm phát thải với tần suất dày đặc: “Báo cáo phân tích của Sahu đã phóng đại về mức độ phát thải ô nhiễm”. Eskom cho biết báo cáo thể hiện số lượng các vi phạm theo ngày, và rất nhiều trong số đó được chấp nhận trong điều khoản quy định mức phát thải môi trường và hợp lệ. “Nếu chính quyền địa phương nhận thấy có những chỉ số có thể vượt quá quy định, họ sẽ ra thông báo cảnh báo Eskom theo Đạo luật Quản lý Môi trường Quốc gia... Eskom đã phản hồi từng thông báo trên rằng, mức phát thải của chúng tôi vẫn trong giới hạn”.

Sahu đề xuất dữ liệu của Eskom về mức độ phát thải nên được công khai trên mạng. Ngoài ra, Sahu cũng đề nghị báo cáo nên bao gồm cả sản lượng điện mỗi ngày cũng như mức phụ tải hàng ngày: “Điều này có thể cung cấp bối cảnh để phân tích dữ liệu phát thải, và để tiêu chuẩn hóa dữ liệu phát thải dựa trên công suất và sản lượng điện. Dữ liệu trên cũng cần được cung cấp trên mạng”. Life After Coal cho biết Eskom trong tháng 1 đã phải gia hạn tới bốn lần để có thêm thời gian đáp ứng với tiêu chuẩn phát thải tối thiểu của Nam Phi. Tổ chức cho biết, Bộ Môi trường đã nhiều lần hoãn thời gian chấp hành quy định phát thải cho Eskom, tập đoàn này đang hoạt động dưới tiêu chuẩn phát thải tối thiểu của Nam Phi. Tiêu chuẩn đã được quy định trong luật từ 31/3/2010. Tổ chức Life After Coal bình luận, nếu các NMNĐ của Eskom không tuân thủ các tiêu chuẩn phát thải vốn đã lỏng lẻo tại Nam Phi, các nhà máy này nên dừng hoạt động và vạch ra các kế hoạch để hỗ trợ công nhân và gia đình của họ.

### **Sản lượng than khai thác của Makomo Resources sẽ tăng do nhu cầu điện tăng cao**

Công ty khai thác than tư nhân Makomo Resources (MR) cho biết sẽ dự kiến sẽ khai thác 350.000 tấn than/tháng trong năm nay do nhu cầu tăng cao từ công ty điện lực Zimbabwe (ZPC). ZPC giữ vững mục tiêu cắt giảm than nhập khẩu do tỉ giá hối đoái và chỉ mua than trong nước. Giám đốc của Makomo, ông Raymond Mutokonyi cho biết năm nay được dự đoán sẽ là năm khởi sắc với công ty này và họ sẽ nâng cao sản lượng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao: “Năm nay sẽ là một năm nhiều cơ hội cho chúng tôi, nhìn vào những gì đang xảy ra trong khu vực, đặc biệt là ở Nam Phi, đất nước đang thiếu điện. Vì vậy chúng tôi sẽ không thể nhập khẩu than và buộc khách hàng phải nghiêm túc tìm kiếm nguồn cung trong nước”.

Ông Mutokonyi cho rằng ZPC sẽ cần rất nhiều than bởi họ là khách hàng lớn nhất của công ty. Do ZPC có thể cần cung cấp sản lượng tối đa, đặc biệt khi tới mùa đông và nhu cầu sẽ bắt đầu tăng.

Công ty sẽ vận hành ở công suất tối đa, và sản xuất khoảng 300.000 - 350.000 tấn than mỗi tháng. Ông Mutokonyi cho biết MR sản xuất theo nhu cầu từ thị trường và năm ngoài sản lượng tương đối thấp do gặp phải các vấn đề như lạm phát và chi phí tăng cao. MR là công ty sản xuất than tư nhân lớn nhất tại Zimbabwe (Châu Phi), cung ứng than cho các NMNĐ trong nước, công nghiệp và nông nghiệp.

### Mức nhập khẩu than của Thái Lan trong tháng 1 đạt 2,2 triệu tấn

Thái Lan đã nhập khẩu 2,19 triệu tấn than nhiệt bao gồm than bitum, anthracite và các loại than khác trong tháng 1, tăng 32,5% so với cùng kỳ năm 2018, theo dữ liệu Hải quan. Giá trị than nhập khẩu trong tháng 1 đạt 149,8 triệu USD, tăng 35,3% so với tháng 1 năm 2018. Trong tổng lượng than nhập khẩu, 899.925 tấn là than bitum, tăng 57,7% so với năm trước, trong đó chủ yếu là than Australia với 453.731 tấn, tăng 52,1% so với năm trước. Indonesia cung cấp 215.429 tấn, thấp hơn 0,5% so với năm ngoái, Mỹ cung cấp 105.864 tấn, tăng 2.205 lần so với tháng 1 năm 2018.

Nhập khẩu các loại than khác bao gồm lignite và sub-bitum tăng 17,4% so với năm ngoái lên 1,27 triệu tấn trong tháng 1. Gần như các loại than khác được nhập khẩu từ Indonesia, khối lượng 1,22 triệu tấn, tăng 25,3% so với năm ngoái. Thái Lan đã nhập khẩu 20.531 tấn than anthracite trong tháng 1, trong khi tháng 1 năm ngoái không nhập khẩu, và chủ yếu từ Việt Nam. Trong cả năm 2018, Thái Lan đã nhập khẩu 24,83 triệu tấn than, tăng 12% so với năm 2017. Trong đó bao gồm 7,88 triệu tấn than bitum, giảm 20,4% so với năm 2017, và 16,78 triệu tấn các loại than khác, tăng 38,9% so với năm 2017. Giá trị than nhập khẩu trong năm 2018 đạt 1,67 tỉ USD, tăng 8,4% so với năm 2017. Indonesia và Australia là các nước cung cấp chính cho Thái Lan trong năm ngoái.

(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))

### CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,10	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	6,70	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	7,55	+0,00
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	10,70	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,70	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,75	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,40	+0,00
	Australia	Trung Quốc	10,25	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,45	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 25/02/2019)